

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 85/2022/DS-ST
Ngày: 13-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;
2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 299/2021/TLST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1970; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã L1, huyện B1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà C: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú: Số 377, khu phố 3, phường 9, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; nơi ở hiện nay: Số 600, đường N, khu 4, phường K, thành phố Y, tỉnh Bình Dương và ông Trần Bảo A, sinh năm 1998; hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã R, huyện D1, tỉnh Tây Ninh; nơi ở hiện nay: Số 600, đường N, khu 4, phường K, thành phố Y, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/7/2021).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Hoa Cẩm T, sinh năm 1988; hộ khẩu thường trú: Ấp B2, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương và ông Lưu Minh P, sinh năm 1984; hộ khẩu thường trú: Ấp H1, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Bà Huỳnh Ngọc T1, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp B, xã L1, huyện B1, tỉnh Bình Dương.

Đại diện nguyên đơn ông A có mặt; bị đơn bà T, ông P vắng mặt không có lý do; người làm chứng bà T1 xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2021, khởi kiện bổ sung ngày 16/5/2022, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn (ông Trần Bảo A) trình bày:

Nguyên giữa bà C và vợ chồng bà T, ông P có mối quan hệ quen biết thông qua việc bà C nhiều lần mua heo của vợ chồng bà T, ông P nên bà C tin tưởng và khi vợ chồng bà T, ông P đề nghị vay tiền của bà C với lãi suất 01%/tháng để trả tiền thức ăn nuôi heo, đáo hạn nợ vay ngân hàng và cam kết đến thời hạn trả tiền vay cho bà C, nếu không có tiền để trả cho bà C thì sẽ bán heo cho bà C để cân trừ toàn bộ số tiền vay. Do đó, bà C đã cho vợ chồng bà T, ông P vay tiền cụ thể: Vào ngày 15/01/2021, bà C cho bà T, ông P vay số tiền 150.000.000 đồng và 50.000.000 đồng; ngày 15/3/2021, bà C tiếp tục cho bà T, ông P vay số tiền 250.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền cho vay bà C đều giao trực tiếp cho vợ chồng bà T, ông P tại nhà bà C. Giấy nợ do bà T viết và cùng ông P ký tên, ghi họ tên, lấn tay xác nhận và cam kết sẽ trả tiền đúng như đã thỏa thuận với bà C. Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền thì vợ chồng bà T, ông P không trả cho bà C bất kỳ khoản tiền nào và cũng không bán heo cho bà C để cân trừ nợ. Bà C đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà T, ông P trả tiền như đã cam kết nhưng bà T, ông P không thực hiện và liên tục cố tình né tránh để trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà C. Bên cạnh đó, bà C phát hiện vợ chồng bà T, ông P lợi dụng bà C là người không biết chữ và cố ý gian dối viết sai họ, tên của bà C từ “Nguyễn Ngọc C” thành “Trần Thị Kim C” trên giấy mượn tiền ngày 15/3/2021 đối với số tiền 250.000.000 đồng. Vì vậy, bà C khởi kiện yêu cầu bà T, ông P liên đới trả số tiền nợ là 450.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 15/01/2021 cho đến ngày 16/5/2022 với lãi suất 01%/tháng là 72.000.000 đồng. Tổng số tiền bà C yêu cầu bà T và ông P liên đới thanh toán 522.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán số tiền vay gốc là 450.000.000 đồng và thay đổi yêu cầu về tiền lãi của số tiền 450.000.000 đồng tính từ ngày 15/3/2021 cho đến ngày xét xử (13/9/2022) là 80.700.000 đồng. Tổng số tiền nguyên đơn yêu cầu là 530.700.000 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn không có tranh chấp gì khác.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2022 đối với bị đơn (bà Huỳnh Hoa Cẩm T) thể hiện:

Bà T và ông P có quan hệ là vợ chồng. Bà T có quen biết bà C thông qua việc làm ăn từ năm 2019, bà T có tổ chức các dây hội nhưng do thiếu tiền hội

phải choàng cho các con hụi nên bà T có vay tiền của bà C. Việc vay mượn tiền giữa bà T và bà C diễn ra nhiều lần, bà T vay rồi trả. Bà T thừa nhận có ký tên và lặn tay trên 03 giấy nợ ngày 15/01/2021 và 15/3/2021 do bà C cung cấp, cụ thể: Ngày 15/01/2021, bà T có vay của bà C số tiền 150.000.000 đồng, khoảng 10 ngày sau bà T vay tiếp của bà C số tiền 50.000.000 đồng. Bà C và bà T thống nhất số tiền 50.000.000 đồng sẽ ghi giấy nợ thành ngày 15/01/2021 để dễ tính tiền lãi. Hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 100.000.000 đồng, mỗi tháng trả 9.000.000 đồng tiền lãi, thời hạn trả là ngày 15/3/2021. Đến ngày 15/3/2021, bà T đã trả số tiền 200.000.000 đồng cho bà C tại nhà bà T, bà T cũng đóng lãi hàng tháng đầy đủ cho bà C. Việc thanh toán này có sự chứng kiến của ông P, bà C và con gái bà C tên T1. Cùng ngày, bà C cho bà T vay lại số tiền 200.000.000 đồng và vay thêm 50.000.000 đồng, tổng số tiền là 250.000.000 đồng. Do bà C đến nhà bà T không mang theo giấy nợ cũ nên bà C nói sẽ về xé bỏ giấy nợ cũ và hai bên lập giấy nợ mới với số tiền bà T nợ bà C là 250.000.000 đồng, hẹn đến ngày 15/4/2021 sẽ trả toàn bộ số tiền trên. Mục đích bà T vay tiền của bà C là để đưa vào tiền hụi do bà T tổ chức. Việc ông P ký tên vào giấy nợ thì do bà C yêu cầu ông P ký tên với tư cách là chồng bà T mới cho bà T vay tiền. Tuy nhiên, ông P không biết bà T sử dụng số tiền vay vào mục đích gì, việc chơi hụi là của riêng bà T không liên quan đến ông P. Vì vậy, trước yêu cầu khởi kiện của bà C thì bà T chỉ đồng ý thanh toán số tiền 250.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 15/3/2021 và tiền lãi phát sinh theo lãi suất Nhà nước quy định. Còn số tiền nợ 150.000.000 đồng và 50.000.000 đồng theo hai giấy nợ ngày 15/01/2021 thì bà T đã trả rồi nên không đồng ý. Mặt khác, đây là tiền nợ giữa bà T và bà C không liên quan tới ông P.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành tổng đạt, niêm yết đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn bà T và ông P tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Quá trình xác minh, bị đơn bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B2, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương và ông P có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H1, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã vi phạm quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, bị đơn đã vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên đề nghị áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ vào giấy nợ có cơ sở xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 450.000.000 đồng. Hợp đồng có thỏa thuận lãi suất nên việc nguyên đơn yêu cầu

bị đơn phải trả tiền lãi là phù hợp. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện ngày 15/7/2021, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc C khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Hoa Cẩm T, ông Lưu Minh P phải thanh toán số tiền vay là 450.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh. Do đó, xác định tư cách tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Quá trình làm việc tại Tòa án thể hiện phía bị đơn bà T đang cư trú tại ấp B2, xã A, huyện D, tỉnh Bình Dương và bị đơn ông P đang cư trú tại ấp H1, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[1.3] Tại phiên tòa bị đơn bà Huỳnh Hoa Cẩm T và ông Lưu Minh P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng ngày 15/01/2021, vợ chồng bà T, ông P có vay của bà C số tiền 150.000.000 đồng và 50.000.000 đồng; ngày 15/3/2021, vợ chồng bà T, ông P tiếp tục vay của bà C số tiền 250.000.000 đồng. Khi vay tiền thì bà T là người lập giấy mượn tiền và hai vợ chồng bà T, ông P cùng ký tên, lấn tay xác nhận với nội dung cam kết đến ngày 15/3/2021 sẽ thanh toán số tiền 150.000.000 đồng và 50.000.000 đồng, ngày 15/4/2021 sẽ thanh toán số tiền 250.000.000 đồng. Chứng cứ là 03 giấy nợ do nguyên đơn bà C cung cấp cho Tòa án và được bị đơn bà T thừa nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng. Bị đơn ông P đã được Tòa án niêm yết hợp lệ nhưng không có ý kiến phản hồi với chứng cứ của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ khác. Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ do các đương sự cung cấp trong hồ sơ để giải quyết vụ án. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai đối với bị đơn bà T ngày 11/3/2022 cho rằng đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 15/3/2021 tại nhà bà T nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình, ngược lại phía nguyên đơn, người làm chứng bà T1 cũng không thừa nhận việc này nên không có căn cứ chấp nhận. Bà T khai mục đích của việc vay tiền là để đưa vào tiền hụi do bà T tổ chức chứ không liên quan đến ông P, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản

tổ tụng để bị đơn ông P biết và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng ông P cố tình vắng mặt, không tham gia các buổi làm việc tại Tòa án. Bản thân ông P biết việc bà T vay tiền của bà C và tự nguyện ký tên, lấn tay vào các giấy vay tiền, giữa ông P và bà T đang tồn tại mối quan hệ vợ chồng, mọi giao dịch dân sự liên quan đến cuộc sống gia đình trong thời kỳ hôn nhân sẽ làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ hoặc chồng. Do đó, bị đơn ông P phải chịu hậu quả pháp lý về việc liên đới thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị đơn bà T, ông P có vay của nguyên đơn bà C tổng số tiền 450.000.000 đồng. Việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền gốc 450.000.000 đồng là phù hợp với Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét, yêu cầu tính lãi suất phát sinh của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi đối với số tiền gốc 450.000.000 đồng với mức lãi suất 1%/tháng số tiền 80.700.000 đồng, tính từ ngày 15/03/2021 đến ngày xét xử (13/9/2022). Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo các giấy mượn tiền ngày 15/01/2021 và ngày 15/3/2021 do nguyên đơn cung cấp thì hai bên không ghi nhận thỏa thuận về tiền lãi. Tuy nhiên, nguyên đơn trình bày lãi suất theo thỏa thuận miệng là 1%/tháng, còn bị đơn bà T tại biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2022 xác định lãi suất hai bên thỏa thuận là 100.000.000 đồng trả 9.000.000 đồng/tháng. Như vậy có căn cứ xác định việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn, bị đơn là có tính tiền lãi, tiền lãi được tính từ ngày vay tiền. Nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi 1%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất đối với khoản vay 250.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 15/3/2021 từ ngày 15/01/2021 chung với khoản vay 150.000.000 đồng và 50.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 15/01/2021 là chưa phù hợp. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn đồng ý rút yêu cầu đối với phần tiền lãi của số tiền 450.0000.000 đồng tính từ ngày 15/01/2021 đến ngày 15/3/2021 là 9.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ đối với yêu cầu này. Như vậy, tiền lãi mức 1%/tháng của 450.000.000.000 đồng tiền gốc tính từ ngày vay tiền cho đến ngày xét xử 13/9/2022 như sau: Khoản vay 450.000.000 đồng tính từ ngày 15/3/2021 đến ngày 13/9/2022 là: $450.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng} 28 \text{ ngày} = 80.700.000 \text{ đồng}$;

Như vậy, cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 530.700.000 đồng (bao gồm 450.000.000 đồng tiền gốc và 80.700.000 đồng tiền lãi).

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 68, 147, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc C đối với bà Huỳnh Hoa Cẩm T và ông Lưu Minh P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Huỳnh Hoa Cẩm T và ông Lưu Minh P có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Ngọc C số tiền 530.700.000 đồng (năm trăm ba mươi triệu bảy trăm ngàn đồng), gồm: 450.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 80.700.000 đồng (tám mươi triệu bảy trăm ngàn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Ngọc C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà Huỳnh Hoa Cẩm T và ông Lưu Minh P chậm thanh toán tiền thì còn phải liên đới thanh toán thêm tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Ngọc C đối với số tiền lãi 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Hoa Cẩm T và ông Lưu Minh P phải liên đới chịu 25.228.000 đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm hai mươi tám ngàn đồng).

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Ngọc C 11.925.000 đồng (mười một triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) và 1.125.000 đồng (một triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo hai biên lai thu số AA/2021/0006884 ngày 02 tháng 11 năm 2021 và số AA/2021/0007517 ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại C cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 13/9/2022).

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Tuyên